

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - CẦN THƠ**
Bản án số: 128/2026/DS-ST

Ngày 05-8-2026.
*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản,
đòi lại tài sản*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Quốc

Ông Nguyễn Quốc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 và ngày 05 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 208/2025/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2026/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lai Chí C, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số G, đường T, khu V, phường S, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lý Bình Đ, sinh năm 1977 (có mặt). Địa chỉ: Số F đường N, phường S, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn:

1. Ông Trần Văn M, sinh năm 1962 (có mặt). Địa chỉ: Số G đường T, khu V, phường S, thành phố Cần Thơ.

2. Bà Trần Thị N, sinh năm 1949. Địa chỉ: Số C đường T, khu V, phường S, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị N: Ông Trần Quốc D, sinh năm: 1955 (có mặt). Địa chỉ: Số A đường I, khu đô thị E, khu vực Đô Thị E, phường P, thành phố Cần Thơ.

- Người làm chứng: Ông Trần Thanh S, sinh năm 1971 (có mặt). Địa chỉ: ấp M, xã H, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 10 năm 2025 của nguyên đơn ông Lai Chí C, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lý Bình Đ trình bày:*

Ông Trần Văn M thông qua quen biết với ông Lai Chí C, có ngỏ ý bán nhà tại địa chỉ số G đường T, khóm C, phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là G đường T, khu vực A, phường S, thành phố Cần Thơ).

Vào thời điểm năm 2017, căn nhà và đất này thuộc thửa số 396, tờ bản đồ số 20, diện tích 87m² tọa lạc tại địa chỉ G đường T, khóm C, phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là G đường T, khu vực A, phường S, thành phố Cần Thơ) đang tranh chấp chia thừa kế. Khi giải quyết xong thì Tòa án chia phần đất nói trên cho bà Trần Thị Ngọc N1 ông M, bà N cũng đồng ý bán cho ông Lai Chí C. Quá trình thỏa thuận việc mua bán, ông Trần Văn M đồng ý bán với giá là 1.615.000.000 đồng (trong đó nhà và tài sản gắn liền với đất là 1.600.000.000 đồng và 15.000.000 đồng tiền làm thủ tục).

Sau khi thỏa thuận thống nhất ông Trần Văn M yêu cầu ông Lai Chí C giao tiền từng lần, khi nào được chia xong thì làm thủ tục cụ thể:

1/. Ngày 20/12/2017 giao đủ số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng).

2/. Ngày 10/4/2018 giao đủ số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

3/. Ngày 10/4/2018 giao thêm đủ số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

4/. Ngày 10/4/2018 giao thêm đủ số tiền 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng).

5/. Ngày 01/6/2018 giao thêm đủ số tiền 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng).

6/. Ngày 01/6/2018 giao thêm đủ số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

7/. Ngày 07/8/2018 giao đủ số tiền 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng).

8/. Ngày 07/8/2018 giao thêm đủ số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

9/. Ngày 07/10/2018 giao đủ số tiền 135.000.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng).

10/. Ngày 25/11/2018 giao đủ số tiền 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng).

Còn lại 580.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi triệu đồng) thì giao cho bà Trần Thị N, ông Trần Văn M yêu cầu thông tin với bà Trần Thị N là chỉ bán với giá 580.000.000 đồng để bà N không yêu cầu ông M đưa tiền tiếp. Tổng cộng ông Trần Văn M nhận đủ số tiền là 1.035.000.000 đồng (Một tỷ không trăm ba mươi

lăm triệu đồng). Bà Trần Thị Ngọc N2 đủ số tiền 580.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi triệu đồng).

Đến ngày 04/01/2019 bà Trần Thị N đến văn phòng công chứng ký chuyển nhượng và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lai Chí C đi đăng ký chính lý theo quy định. Nhưng sau đó lại khởi kiện nên phát sinh tranh chấp, quá trình giải quyết tranh chấp ông Trần Văn M thừa nhận bà Trần Thị N đã nhận đủ số tiền 580.000.000 đồng và còn có sự chứng kiến của ông Trần Văn M. Còn ông M nhận số tiền là 1.035.000.000 đồng (Một tỷ không trăm ba mươi lăm triệu đồng) là tiền vay, chứ không phải tiền thanh toán nhà. Do đó Tòa án buộc ông Lai Chí C phải giao tiền cho bà Trần Thị N là 1.177.353.000 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm năm mươi ba ngàn đồng).

Còn số tiền ông Trần Văn M nhận của ông Lai Chí C thì ông Trần Văn M khẳng định là tiền vay riêng của ông Lai Chí Công cụ T1: Tiền gốc: 1.035.000.000 đồng (Một tỷ không trăm ba mươi lăm triệu đồng). Tiền lãi tạm tính chung các khoản vay đến ngày 30/9/2025 số tiền là: 1.423.040.000 đồng (Một tỷ bốn trăm hai mươi ba triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng). Tổng cộng ông Trần Văn M nợ gốc và lãi là: 2.458.040.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm năm mươi tám triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng).

Bà Trần Thị Ngọc N3 ông Lai Chí C là 580.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi triệu đồng).

Nay ông Lai Chí C yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

1/. Buộc ông Trần Văn M trả tiền vay cho ông Lai Chí C số tiền gốc từ ngày vay đến khi giải quyết xong vụ án, cụ thể:

- Tiền gốc: 1.035.000.000 đồng (Một tỷ không trăm ba mươi lăm triệu đồng).
- Tiền lãi tạm tính chung các khoản vay đến ngày 30/9/2025: 1.423.040.000 đồng (Một tỷ bốn trăm hai mươi ba triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng).

Tổng cộng ông Trần Văn M nợ gốc và lãi là: 2.458.040.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm năm mươi tám triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng).

2/. Buộc bà Trần Thị N trả lại cho ông Lai Chí C số tiền: 580.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi triệu đồng). Không yêu cầu tính lãi.

Tổng cộng yêu cầu các bị đơn trả số tiền là: 3.038.040.000 đồng (Ba tỷ không trăm ba mươi tám triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng).

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Trần Thị N có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 580.000.000 đồng và xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông Trần Văn M trả tiền lãi cụ thể chỉ yêu cầu tính lãi trên số tiền gốc 1.035.000.000 đồng từ ngày khởi kiện là 02/10/2025 đến ngày 28/7/2026 là 9 tháng 26 ngày x 1.035.000.000 đồng x 0,83%/tháng = 84.759.600 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 1.119.759.600 đồng.

- Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 14/11/2025, quá trình giải quyết vụ án

cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn M trình bày:

Ông thừa nhận có ký tên vào các hợp đồng mua bán đất như nguyên đơn trình bày, nhưng đây là tiền vay do ông không biết chữ, vào năm 2017 ông có vay tiền của ông Lai Chí C nhiều lần, mỗi lần đưa tiền cho ông M, ông C đều buộc ông M ký vào biên nhận nhận tiền, tổng cộng ông M đã ký 10 lần nhận tiền, với số tiền 250.000.000 đồng, đến nay vẫn chưa trả số tiền gốc cho ông C, biên nhận mỗi bên giữ một bản, phần biên nhận của ông M, ông M đã nộp cho Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng khi giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Trần Thị N và ông Lai Chí C, lúc đó ông là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Nay ông chỉ đồng ý trả cho ông C số tiền 250.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi.

- Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 10/11/2025 của bị đơn bà Trần Thị N, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị N là ông Trần Quốc D trình bày:

Bà N thừa nhận có ký tên vào các hợp đồng mua bán đất do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập, lý do bà N ký tên là vì ông Trần Văn M vay tiền của ông Lai Chí C, ông C yêu cầu phải có chữ ký của bà N và ông M kêu bà N ký tên thì bà N ký chứ không có đọc nội dung và cũng không có nhận bất cứ số tiền nào từ ông Lai Chí C.

Bà N không có nhận số tiền 580.000.000 đồng của ông Lai Chí C nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ trình bày ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các điều 68, 70, 71, 72, 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử: **Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn Trần Văn M thanh toán số tiền 1.035.000.000 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn Trần Thị Ngọc .**

Những tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn cung cấp bản **chính** hợp đồng mua, bán nhà đất ngày 10/4/2018; ngày 01/6/2018; ngày 07/8/2018. Chứng cứ

Tòa án thu thập được từ hồ sơ đang lưu trữ tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bản sao lục đối với hợp đồng mua, bán nhà đất các ngày 10/4/2018 (02 bản); 20/12/2021; 07/8/2018; 25/11/2018; 07/10/2018; 10/6/2018; tờ tường trình ngày 10/6/2021 của ông Trần Văn M; biên bản phiên tòa 24/3/2025 đối với vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 184/2024/TLPT-DS ngày 17/10/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng; biên bản lấy lời khai ngày 11/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng; Bị đơn ông Trần Văn M thừa nhận chữ ký của ông trong các hợp đồng mua bán đất do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập, tờ tường trình ngày 10/6/2021. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị N là ông Trần Quốc D thừa nhận bà N có ký tên vào các hợp đồng mua bán đất do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các tài liệu chứng cứ và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông Lai Chí C khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán tiền, bị đơn ông Trần Văn M và bà Trần Thị N có nơi cư trú tại phường S, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cần Thơ theo quy định tại theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2.] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Trần Thị N có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 580.000.000 đồng và xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông Trần Văn M trả tiền lãi cụ thể chỉ yêu cầu tính lãi trên số tiền gốc 1.035.000.000 đồng từ ngày khởi kiện là 02/10/2025 đến ngày 28/7/2026 là 9 tháng 26 ngày x 1.035.000.000 đồng x 0,83%/tháng = 84.759.600 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 1.119.759.600 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần yêu cầu đã rút.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với bị đơn ông Trần Văn M. Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập, căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận trên thực tế ông Lai Chí C, ông Trần Văn M, bà Trần Thị N có ký tên vào các các hợp đồng mua bán đất do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập. Tuy nhiên, ông Trần Văn M cho rằng ông không biết chữ, vào năm 2017 ông có vay tiền của ông Lai Chí C nhiều lần, mỗi lần đưa tiền cho ông M, ông C đều buộc ông M ký vào biên nhận nhận tiền, tổng cộng ông M đã ký 10 lần nhận tiền, với

số tiền 250.000.000 đồng, đến nay vẫn chưa trả số tiền gốc cho ông C, biên nhận mỗi bên giữ một bản, phần biên nhận của ông M, ông M đã nộp cho Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng khi giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Trần Thị N và ông Lai Chí C, lúc đó ông là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm ông M đều thừa nhận chữ ký của ông trong hợp đồng mua, bán nhà đất ngày 10/4/2018; ngày 01/6/2018; ngày 07/8/2018 do nguyên đơn cung cấp và chứng cứ Tòa án thu thập được từ hồ sơ đang lưu trữ tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bản sao lục đối với hợp đồng mua, bán nhà đất các ngày 10/4/2018 (02 bản); 20/12/2018; 07/8/2018; 25/11/2018; 07/10/2018; 10/6/2018. Xét nội dung của các hợp đồng nêu trên là thỏa thuận chuyển nhượng căn nhà và đất tại thửa số 396, tờ bản đồ số 20, diện tích 87m² tọa lạc tại địa chỉ G đường T, khóm C, phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là G đường T, khu vực A, phường S, thành phố Cần Thơ) và từng ngày giao tiền cụ thể ngày 10/4/2018 ông C giao cho ông M số tiền lần lượt 70.000.000 đồng, 80.000.000 đồng, 85.000.000 đồng; ngày 10/6/2018 số tiền 115.000.000 đồng; ngày 07/8/2018 số tiền 130.000.000 đồng; ngày 20/12/2017 số tiền 65.000.000 đồng; ngày 07/8/2018 số tiền 125.000.000 đồng; ngày 25/11/2018 số tiền 110.000.000 đồng; ngày 07/10/2018 số tiền 135.000.000 đồng và ngày 10/6/2018 số tiền 120.000.000 đồng. Tổng cộng: 1.035.000.000 đồng. Ông M thừa nhận có vay tiền của ông C nhiều lần chỉ vay số tiền 250.000.000 đồng, mỗi lần vay đều có ký biên nhận nhận tiền, nhưng không cung cấp được các biên nhận nhận tiền 250.000.000 đồng và thừa nhận chữ ký trong các tài liệu, chứng cứ nêu trên là chữ ký của ông M thì ông M phải chịu trách nhiệm với chữ ký của mình. Căn cứ vào các chứng cứ nêu trên có cơ sở xác định ông M đã nhận từ ông C tổng cộng là 1.035.000.000 đồng, đến nay ông M vẫn chưa trả lại số tiền này cho ông C, nên nguyên đơn ông C khởi kiện yêu cầu ông M trả lại số tiền 1.035.000.000 đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn ông M đều xác định việc cho vay không có tính lãi suất, không có thỏa thuận thời hạn trả. Xét thấy, theo quy định tại **khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015** thì *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại **khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này** trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”* ***lãi suất áp dụng là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng***, nên khi ông C yêu cầu ông M thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà ông M không trả thì ông M phải trả lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Trong vụ án này xác định thời gian ông C đòi nợ đối với ông M là từ thời điểm bắt đầu khởi kiện. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm là 9 tháng 26 ngày x 1.035.000.000 đồng x 0,83%/tháng = 84.759.600 đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Như vậy, tổng số tiền vốn và lãi bị đơn ông M có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông C là 1.119.759.600 đồng gồm tiền vốn gốc 1.035.000.000 đồng + tiền lãi 84.759.600 đồng.

[5] Như đã phân tích nêu trên, lời đề nghị của kiểm sát viên về nội dung vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lai Chí C được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn Ông Trần Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn, nhưng ông M là người cao tuổi, có yêu cầu xin miễn án phí nên được miễn án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, Điều 147, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 463, Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lai Chí C về việc yêu cầu bà Trần Thị N có trách nhiệm trả lại cho ông C số tiền 580.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lai Chí C. Buộc ông Trần Văn M có trách nhiệm thanh toán cho ông Lai Chí C **số tiền** vốn và lãi **tổng cộng là** 1.119.759.600 đồng gồm tiền vốn gốc 1.035.000.000 đồng + tiền lãi 84.759.600 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Nguyên đơn ông Lai Chí C không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Lai Chí C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 46.380.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005217 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

3.2. Bị đơn ông Trần Văn M là người cao tuổi được miễn án phí.

4. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên

án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV5-CT;
- Thi hành án dân sự TPCT;
- TAND TPCT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bích Tuyền